

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2018/DS-PT**

Ngày: 14/5/2018

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Lương Văn Cường

Bà Vi Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Triệu Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017 về Tranh chấp quyền sử dụng đất

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn D; trú tại: thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T; trú tại: thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Chí Q; trú tại: thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

3.2. Anh Hoàng Văn T1; trú tại: thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

3.3. Anh Hoàng Văn H; trú tại: thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

3.4. Anh Hoàng Văn T2; trú tại: P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- *Người đại diện hợp pháp của anh Hoàng Văn H, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T2: Anh Hoàng Văn D (Theo giấy uỷ ngày 28/11/2016). Có mặt*

4. *Người làm chứng:*

4.1. Nguyễn Văn Đ. Vắng mặt;

4.2. Ngọc Thị N. Vắng mặt;

4.3. Nông Văn T3. Vắng mặt;

4.4. Lương Sỹ N. Có mặt;

4.5. Nông Văn S. Vắng mặt;

4.6. Hoàng Văn N1. Vắng mặt

4.7. Nông Thị D. Vắng mặt

4.8. Hoàng Văn N2. Vắng mặt

4.9. Nông Kiên T4. Vắng mặt

Đều trú tại: thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

4.10. Nguyễn Văn Đ. Vắng mặt

4.11. Đặng Thị H. Vắng mặt

4.12. Nguyễn Văn V. Vắng mặt

Đều trú tại: thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn Hoàng Văn D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2016, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn anh Hoàng Văn D trình bày:

Gia đình anh có thửa đất đã được cấp Sổ lâm bạ ngày 14/11/1985 mang tên mẹ anh là bà Nông Thị T, giáp với đất gia đình anh Nguyễn Văn T. Gia đình anh T tự cuộc hào làm ranh giới giữa hai thửa đất năm 1985, phía trên hào thuộc phần đất gia đình anh T quản lý, từ dưới hào trở xuống vào đến đông đôi Phai Khít thuộc phần đất gia đình anh D quản lý. Bố mẹ anh có trồng tre, hóp theo bờ hào để giữ đất. Năm 1987 anh Hoàng Văn H là anh trai anh đã làm nhà ở và canh tác trên mảnh đất này, đến năm 1991 anh H chuyển nhà đi chỗ khác thì gia đình vẫn phát quang, lấy củi và trồng 03 búi mai trên đất. Năm 1997 gia đình anh T lợi dụng gia đình anh không có mặt đã tự ý dẫn đặc, đo lấn sang đất của gia đình anh khoảng 01ha. Ngày 01/6/2016 xảy ra tranh chấp, gia đình anh T gửi đơn đến Thôn giải quyết và ngày 03/6/2016 cán bộ xã đến thực địa giải quyết, biên bản có ghi đất đã cấp sổ bì xanh cho anh T số 4070 ngày 10/12/1997, tiểu khu 123 khoảnh 7 lô 7. Lúc này anh mới biết đất anh quản lý đã cấp sổ bì xanh

cho anh T, anh không đồng ý. UBND xã tiến hành hoà giải nhưng không thành. Nay anh khởi kiện yêu cầu anh T trả lại đất tranh chấp cho gia đình anh.

Trong bản tự khai ngày 13/4/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 14/11/1985 bố anh là ông Nguyễn Chí Q được cấp Sổ lâm bạ số 125 với diện tích 5.000m², khu vực có tên Loọng Mạy Phảy. Từ khi được cấp sổ bố anh đã khoanh nuôi bảo vệ và trồng cây hồi. Ngày 10/12/1997 được cấp đổi sang sổ bìa xanh (Hồ sơ giao đất lâm nghiệp) số 4070 mang tên Nguyễn Văn T, có diện tích 3,6ha thuộc lô 7, khoảnh 7, tiểu khu 123 và từ năm 1997 đến nay gia đình anh quản lý, trông coi và trồng các loại cây như hóp, mai. Năm 2003 bà Nông Thị T (mẹ của anh D) kiện anh tranh chấp thửa đất này, Ủy ban nhân dân xã đã giải quyết giao cho anh quản lý. Tháng 4/2016 anh D đến chặt cây trên đất, cải tạo trồng Keo khoảng 3.000m² thì xảy ra tranh chấp, anh đã làm đơn đề nghị UBND xã giải quyết, hoà giải nhưng không thành. Nay anh D khởi kiện yêu cầu trả đất, anh không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T2 có giấy uỷ quyền cho anh Hoàng Văn D khởi kiện và tham gia tố tụng đến khi kết thúc vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí Q trình bày: Ngày 14/11/1985 hộ gia đình ông được cấp sổ lâm bạ số 125 tên chủ hộ Nguyễn Chí Q, diện tích được cấp là 5000m², ở khu đất có tên địa phương là Pá Phảy, có tứ cận: Đông là đồi Khau Khanh, Tây là giáp Phai Khít, Nam giáp Khau Bó Bùn, Bắc giáp bãi trống. Năm 1997 Nhà nước triển khai trưng trình giao đất, giao rừng, ông có đơn xin giao hai khu đất là Đồi Khau Khanh sau nhà và thung lũng Bó Bùn và được cấp hai sổ bìa xanh gồm 4 thửa là: 3a-IIb = 7,10; 3b-IIa = 7,25 (đứng tên chủ hộ Nguyễn Chí Q); 2-IIa = 4,28 và 7-Ic = 3,6 (Đứng tên chủ hộ Nguyễn Văn T). Tổng diện tích xin giao là 22,1ha, nhưng mỗi hộ gia đình không được giao quá 20ha, do vậy, ông đã tách cho con trai Nguyễn Văn T đứng tên một sổ có diện tích 2-IIa = 4,28 và 7-Ic = 3,6. Trên diện tích 3,6 ha thuộc lô 7, khoảnh 7 ông đã trồng cây Hồi theo dự án năm 2003-2004 và có đào hào chống trâu, bò phá hoại chứ không phải đào hào làm ranh giới với thửa đất của anh Hoàng Văn D. Diện tích đất anh D tranh chấp, phát trồng cây Keo nằm trong sổ bìa xanh đứng tên Nguyễn Văn T theo Quyết định số 4070, trên đất ông đã trồng cây. Ông không đồng ý với yêu cầu của anh D đòi anh T trả lại đất tranh chấp có diện tích 7.731m² như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/5/2017.

Người làm chứng ông Nông Văn T3 trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2017: Ông T3 với anh T, anh D không có quan hệ họ hàng. Nguồn gốc đất tranh chấp giữa anh D với anh T, ông T3 được biết từ chân đồi Khau Khanh lên 50m có một cái hào được đào lên đỉnh. Khoảng năm 1988-1989 ông có được hỏi ông Q bố anh T chặt cây nửa và ông được chặt cây nửa bên trên

hào. Ông được biết dưới hào khoảng 30m có nhà của anh H là anh trai anh D ở đó, nay anh H đã chuyển đi còn lại nền nhà và vườn.

Người làm chứng bà Đặng Thị H trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2017: bà có quan hệ họ hàng với cả ông Q và anh D. Bà biết đất tranh chấp giữa ông Q, anh T với anh D theo tiếng địa phương thì Pá Phầy và Mạ Phầy là một. Khu vực tranh chấp tồn tại địa danh gọi là Thôm Lũng và Cốc Lũng. Theo bà H thì phần đất đang tranh chấp là của bà T mẹ anh D, còn việc anh T được cấp sổ bìa xanh là do đo đạc sai.

Người làm chứng bà Ngọc Thị N trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2017: Bà không biết rõ diện tích tranh chấp giữa anh D và anh T, bà chỉ biết nguồn gốc thửa đất tranh chấp được cấp sổ lâm bạ cho bà T năm 1985, khi có sổ lâm bạ thì ông Q đã cho đào hào để làm ranh giới, phần diện tích trên hào là của ông Q, diện tích đất dưới hào do bà T sử dụng. Sau đó có thấy anh Hoàng Văn H làm nhà ở một thời gian, nay anh H đã chuyển đi nơi khác sống. Theo bà thửa đất tranh chấp có địa danh là Phai Khít, nếu lấy thửa đất làm mốc thì phía Đông có địa danh là Thôm Lũng, còn phía Nam là Cốc Lũng, thửa đất gia đình anh D sử dụng từ năm 1985.

Người làm chứng ông Lương Sỹ N trình bày tại lời khai ngày 07/6/2017: Về đất gia đình anh D đã sở hữu từ lâu năm và anh trai anh D là Hoàng Văn H làm nhà ở một thời gian, sau chuyển đi nơi khác. Đất của anh Nguyễn Văn T có bố là ông Nguyễn Chí Q đã đào đường hào làm mốc ranh giới từ năm 1985.

Bản án số 05/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N căn cứ các điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Quyết định:

- Không chấp nhận Đơn khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Văn D yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn T phải trả toàn bộ đất tranh chấp là 7.731m². Bị đơn Hoàng Văn D phải chặt toàn bộ cây Keo đã trồng (phần trồng cây Keo có diện tích 398m²) nằm trong tổng diện tích đất tranh chấp 7.731m², có tứ cận:

Phía Đông giáp với đất ông Nguyễn Chí Q (anh T) bãi trồng

Phía Tây giáp Phai Khít, ruộng, ao

Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Chí Q (anh T) đồi Khau Khanh

Phía Bắc giáp với ruộng, ao của anh Hoàng Văn T1.

(Diện tích đất tranh chấp 7.731m² thuộc một phần diện tích lô 7 khoảnh 7 tiểu khu 123, Bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1997 nằm trong Quyết định giao đất lâm nghiệp số 4070 ngày 10/12/1997 của UBND huyện N cấp cho anh Nguyễn Văn T).

Ngoài ra án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2017 anh Hoàng Văn D có đơn kháng cáo và ngày 07/11/2017 Tòa án nhân dân huyện N nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 04/10/2017 theo yêu cầu sửa đổi bổ sung của Tòa án. Đơn kháng cáo có nội dung: Yêu cầu Tòa án bác bỏ Quyết định 4070 ngày 10/12/1997 cấp cho anh

Nguyễn Văn T đề trả lại cho anh Hoàng Văn D diện tích đất tranh chấp là 7.731m².

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu bác bỏ Quyết định 4070 ngày 10/12/1997 cấp cho anh Nguyễn Văn T để trả lại cho anh Hoàng Văn D diện tích đất tranh chấp là 7.731m². Lý do, đất này gia đình anh D đã bảo vệ, quản lý, sử dụng từ năm 1985, đã được cấp Sổ lâm bạ năm 1985 mang tên mẹ anh là bà Nông Thị T. Sau khi được cấp sổ thì năm 1985 ông Nguyễn Chí Q là bố của anh D đã cuốc hào làm ranh giới đất giữa hai gia đình.

Bị đơn có ý kiến: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Bị đơn đã được nhà nước giao đất theo Sổ lâm bạ năm 1985 mang tên bố bị đơn là ông Nguyễn Chí Q, sau đó được chuyển giao cho bị đơn theo Quyết định 4070 ngày 10/12/1997 của UBND huyện N. Từ khi được nhà nước giao đất gia đình bị đơn đã quản lý suốt, trồng cây hòe, hóp, mai, tre gai trên đất. Anh D trình bày là anh D trồng cây hóp trên đất là không đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến:

Anh Hoàng Văn H có ý kiến: Anh đã làm nhà trên phần đất tranh chấp ở từ năm 1987 đến năm 1991, do ông Q đào hào ảnh hưởng đến long mạch của đất nên anh mất đi một người con, do vậy anh đã chuyển nhà đi chỗ khác sinh sống từ năm 1991. Khi chuyển nhà anh đã giao lại đất cho anh D, anh T1 quản lý. Trên đất hiện nay vẫn còn nền nhà cũ của anh và có 01 cây bưởi anh trồng. Đề nghị anh T trả lại đất cho anh D.

Anh Hoàng Văn T1 có ý kiến: Đất tranh chấp mẹ anh đã được cấp Sổ lâm bạ năm 1985, trên đất mẹ anh trồng cây hóp, tre và anh được trồng 03 búi mai trên đất. Mẹ anh quản lý đất từ năm 1985 đến 1987 giao cho anh H quản lý, đến 1991 anh H giao cho anh D quản lý không cho trâu bò vào phá hoại. Nay đề nghị anh T trả đất cho anh D.

Anh Hoàng Văn T2 có ý kiến: Đất tranh chấp bản thân anh không được quản lý, sử dụng do anh đi công tác, nhưng các em của anh là anh D, T1 vẫn quản lý đất. Đất đã được cấp sổ lâm bạ cho mẹ anh từ năm 1985. Anh đề nghị huỷ Quyết định 4070 để trả đất cho gia đình anh. Năm 1997 khi tiến hành giao đất lâm nghiệp, mẹ và các em của anh có làm đơn xin giao phần đất này hay không anh không biết.

Ông Nguyễn Chí Q trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, vì đất tranh chấp đã được cấp sổ lâm bạ cho ông năm 1985, đến 1997 có chủ trương cấp sổ bìa xanh do diện tích ông xin cấp nhiều hơn 20ha nên ông lấy tên con trai là Nguyễn Văn T đứng tên một phần diện tích, trong đó có thửa 3,6 ha có một phần đang tranh chấp là 7.731m². Thửa đất 3,6ha ông đã trồng cây hòe theo dự án, hào do ông đào năm 1997 để ngăn trâu bò phá cây,

không phải làm ranh giới, trên phần tranh chấp do ông trồng 03 cây hời, hai hàng hóp, 3 búi mai và gia đình ông quản lý suốt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Quá trình quản lý, sử dụng đất những người làm chứng đều xác định là đất thuộc quyền quản lý của bà Nông Thị T. Trên đất tranh chấp có nền nhà của anh H, được ngăn cách với phần đất của anh T là một con hào do ông Nguyễn Chí Q đào. Các loại cây khác trên đất không có căn cứ xác định ai trồng. Có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của nguyên đơn. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu huỷ Quyết định 4070 ngày 10/12/1997 cấp cho anh Nguyễn Văn T để trả lại cho anh Hoàng Văn D diện tích đất tranh chấp là 7.731m² là có căn cứ. Căn cứ khoản 2 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn Hoàng Văn D: Yêu cầu Tòa án bác bỏ Quyết định 4070 ngày 10/12/1997 cấp cho anh Nguyễn Văn T để trả lại cho anh Hoàng Văn D diện tích đất tranh chấp là 7.731m². Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Diện tích đất tranh chấp 7.731m² nằm trong thửa đất số 566, có tổng diện tích 43.505m², thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 2, xã Đ, huyện N. Thửa đất hiện tại chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, do có tranh chấp.

[3] Về cơ sở pháp lý: Nguyên đơn anh Hoàng Văn D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn H, Hoàng Văn T2, Hoàng Văn T1 xác định diện tích đất tranh chấp là một phần của thửa “Đồi Khau Khanh có diện tích 1.000m²” đã được cấp Sổ Lâm bạ số 112 ngày 14/11/1985, mang tên chủ hộ bà Nông Thị T (mẹ các anh). Còn ông Nguyễn Chí Q cho rằng đất tranh chấp là một phần nằm trong diện tích được cấp là 5000m² tại Sổ lâm bạ số 125, cấp ngày 14/11/1985 mang tên chủ hộ ông Nguyễn Chí Q. Khu đất có tên địa phương là Pá Pháy, có tứ cận: Đông là đồi Khau Khanh, Tây là giáp Phai Khít, Nam giáp Khau Bó Bùn, Bắc giáp bãi trống. Năm 1997 Nhà nước triển khai trưng trình giao đất, giao rừng, ông có đơn xin giao hai khu đất là Đồi Khau Khanh sau nhà và thung lũng Bó Bùn và được cấp hai sổ bìa xanh gồm 4 thửa

là: 3a-IIb = 7,10; 3b-IIa = 7,25 (đúng tên chủ hộ Nguyễn Chí Q); 2-IIa = 4,28 và 7-Ic = 3,6 (Đúng tên chủ hộ Nguyễn Văn T). Tổng diện tích xin giao là 22,1ha, nhưng mỗi hộ gia đình không được giao quá 20ha, do vậy, ông đã tách cho con trai Nguyễn Văn T đúng tên một sổ có diện tích 2-IIa = 4,28 và 7-Ic = 3,6.

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 16/8/2017 có nội dung “ *Xác định diện tích đất tranh chấp 7.731m² nằm trong Sổ lâm bạ 112 cấp cho bà Nông Thị T hay 125 cấp cho ông Nguyễn Chí Q? Chị H (cán bộ địa chính xã Đ) khẳng định cơ sở để xác định diện tích 7.731m² nằm trong sổ lâm bạ nào là rất khó*” và tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thể hiện “...*không xác định được diện tích đất tranh chấp có nằm trong Sổ lâm bạ 112 ngày 14/11/1985 cấp cho bà Nông Thị T hay không do không có căn cứ, bản đồ nào thể hiện*” và “*không xác định được vị trí diện tích đất 5000m² theo Sổ lâm bạ 125 ngày 14/11/1985 và không xác định được vị trí đất tranh chấp có nằm trong Sổ lâm bạ 125 hay không do không có cơ sở xác định*”. Như vậy, xét thấy không có đủ căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp nằm trong Sổ lâm bạ 112 cấp cho bà Nông Thị T và Sổ lâm bạ số 125 cấp cho ông Nguyễn Chí Q.

[5] Biên bản xác minh ngày 16/8/2017 (BL90), Công văn số 61/CV-TNMT ngày 19/9/2017 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2018, đều xác định diện tích đất tranh chấp 7.731m² nằm trong một phần diện tích đất được giao theo Quyết định giao đất lâm nghiệp số 4070-QĐ/UB ngày 10/12/1997 cho anh Nguyễn Văn T, tại lô số 7 (lô số 7 diện tích 3,6ha) khoảnh 7 tiểu khu 123, Bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1997. Do vậy, có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp 7.731m² nằm trong một phần diện tích đất được giao theo Quyết định giao đất lâm nghiệp số 4070-QĐ/UB ngày 10/12/1997 cho anh Nguyễn Văn T.

[6] Hồ sơ ban hành Quyết định 4070 QĐ/UB ngày 12/12/1997 của UBND huyện N v/v Giao đất, lâm nghiệp có: Đơn xin nhận đất lâm nghiệp để quản lý và sử dụng, Biên bản giao rừng và đất lâm nghiệp, Bản đồ giao đất giao rừng. Tại đơn xin nhận đất lâm nghiệp có đề tên Nguyễn Văn T và phần chủ hộ ký tên “T”. Nội dung đơn phân vị trí đất, diện tích đất, mục đích sử dụng đất xin nhận không thể hiện nội dung, không có xác nhận của chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 4 Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Thủ tướng Chính phủ. Tại lời khai của ông Nguyễn Chí Q và Nguyễn Văn T ngày 09/3/2018 thể hiện ông Q là người viết đơn. Xét thấy, Hồ sơ ban hành Quyết định 4070 QĐ/UB ngày 10/12/1997 của UBND huyện N v/v Giao đất, lâm nghiệp không phù hợp với quy định nêu trên.

[7] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tranh chấp 7.731m²: giữa phần đất đang tranh chấp với phần đất còn lại của thửa đất lô số 7 (lô số 7 diện tích 3,6ha) khoảnh 7 tiểu khu 123, ông Q trồng cây hồi có ngăn cách bởi một đường hào. Ông Q và các đương sự đều xác định đường hào này do ông Q đào. Tuy nhiên, ông Q cho rằng đường hào này ông đào năm 1997, mục đích ngăn trâu,

bò phá cây hời, còn phía nguyên đơn cho rằng ông Q đào hào năm 1985, để làm ranh giới với đất của gia đình nguyên đơn. Bản tự khai ngày 10/02/2017 ông Q khai năm 2003-2004 tôi có làm dự án Hời ở thửa đất 3,6ha do trâu bò đi lại tôi có đào hào chống trâu bò phá hoại, chứ không phải đào hào chia đất. Tại Biên bản xác minh thực địa tại khu rừng Phai Khít (BL13) có nội dung “*Ông Q đào hào từ năm 1985*”. Tại Biên bản hoà giải tranh chấp tại xã ông Q trình bày “*năm 1985 tôi đã đào hào do khu rừng bên trên tôi có trồng hời*”. Lời khai của ông Q có sự mâu thuẫn về thời điểm đào hào, ông cho rằng đào hào năm 1997 để bảo vệ cây hời khỏi trâu phá, ông cũng khai dự án trồng hời ông làm năm 2003-2004. Anh D, anh H, anh T2, anh T1 và những người làm chứng cũng xác định ông Q đào hào để làm ranh giới với đất của bà Nông Thị T từ năm 1985. Từ mép hào trở xuống là do gia đình bà T quản lý, sử dụng. Con trai bà T là Hoàng Văn H có làm nhà để ở trên phần đất tranh chấp từ 1987-1991. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đất tranh chấp có thể hiện còn nền nhà anh H ở trước đây, có ba cây hời, có cây tre, mai và cây hóp, có cây keo. Ông Q thừa nhận nền nhà là của anh H, khi anh H làm nhà trên đất không xin ý kiến của ông, ông có biết, nhưng không phản đối. Còn cây tre, mai, hóp, hời là do ông trồng, cây keo do anh D trồng. Những người làm chứng Đặng Thị H, Lương Sỹ N, Nông Thị D, Nguyễn Văn Đ, Ngọc Thị N đều xác định ông Nguyễn Chí Q đào hào để làm ranh giới đất với phần đất của nhà bà Nông Thị T. Phần đất từ hào trở lên do gia đình ông Q quản lý, sử dụng và từ hào trở xuống là phần đất bà T và các con quản lý, sử dụng.

[8] Từ các chứng cứ nêu trên, xét thấy, có căn cứ xác định đường hào do ông Q đào năm 1985, để làm ranh giới với đất gia đình bà Nông Thị T, nền nhà cũ của anh H làm nhà năm 1987 và ở đến năm 1991 rời nhà đi nơi khác, cây keo do anh D trồng năm 2016, hàng hóp ngang qua phần đất tranh chấp ông Q bắc máng dẫn nước nên tự mọc, cây hời có căn cứ xác định ông Q trồng còn các loại cây tre, mai không đủ căn cứ xác định bên nào trồng. Tuy nhiên, từ sau năm 1991 đến trước khi xảy ra tranh chấp năm 2016 gia đình bà T có ai quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp hay không, năm 1997 có đơn xin giao phần đất tranh chấp hay không và đất giao cho anh T theo Quyết định số 4070 có tranh chấp khi giao hay không chưa được làm rõ tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm không khắc phục được.

[9] Như vậy, về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 4070 ngày 10/12/1997 giao đất, lâm nghiệp cho anh Nguyễn Văn T không đúng về trình tự thủ tục, về quá trình sử dụng đất chưa được làm rõ để xác định Quyết định 4070 đã được ban hành không phù hợp với quy định, có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh Hoàng Văn D không cần được làm rõ để xem xét theo Điều 34 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Do vậy, Nguyên đơn yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Quyết định 4070 là có căn cứ. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết đối với Quyết định 4070. Vì vậy, cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân

tỉnh Bắc Kạn để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Xét thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên huỷ bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Anh Hoàng Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

[12] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[13] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn Hoàng Văn D tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Xác định nguyên đơn đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, khoản 3 Điều 148, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Hoàng Văn D.
2. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Chuyển Hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Anh Hoàng Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 01147 ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn Hoàng Văn D tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Xác định nguyên đơn đã nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh BK;
- THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV TAT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoa